



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ
VI NA TA BA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115 tỷ đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Triết	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên
Ông Thái Hoàng Long	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Thế Long	Trưởng ban – bổ nhiệm ngày 22/04/2014
Ông Nguyễn Văn Thạnh	Trưởng ban – miễn nhiệm ngày 22/04/2014
Ông Lê Viết Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Tông	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015

Thay mặt Ban Giám đốc



NGUYỄN ĐỨC THUẬN



Số: 15.358/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 02 năm 2015 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký
hành nghề kiểm toán số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NGỌC BẢO

Giấy chứng nhận đăng ký
hành nghề kiểm toán số: 2136-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.995.846.439	5.979.934.257
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	6.343.427.381	4.186.290.217
1. Tiền	111		2.156.294.326	2.686.290.217
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.187.133.055	1.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	842.506.163	1.433.232.635
1. Phải thu khách hàng	131		659.746.163	464.258.220
2. Trả trước cho người bán	132		36.260.000	404.035.716
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		146.500.000	564.938.699
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	640.576.391	251.620.018
1. Hàng tồn kho	141		640.576.391	251.620.018
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		169.336.504	108.791.387
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.336.504	53.791.387
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		149.000.000	55.000.000

(Phần tiếp theo ở trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.201.540.472	112.612.037.250
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		13.066.726.398	16.243.861.062
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	5.309.136.397	8.486.271.061
+ Nguyên giá	222		12.625.247.893	13.514.424.568
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.316.111.496)	(5.028.153.507)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.000.000)	(95.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.5)	7.757.590.001	7.757.590.001
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.6)	4.968.128.786	5.043.988.830
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	5.200.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(31.871.214)	(156.011.170)
V. Tài sản dài hạn khác	260		89.166.685.288	91.324.187.358
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	89.151.685.288	91.309.187.358
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		15.000.000	15.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		115.197.386.911	118.591.971.507

(Phần tiếp theo ở trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.347.821.849	9.243.391.128
I. Nợ ngắn hạn	310		2.894.353.905	8.219.701.996
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.8)	1.500.000.000	5.954.228.374
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	152.957.530	293.690.694
3. Người mua trả tiền trước	313			100.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		95.998.994	120.894.038
5. Phải trả người lao động	315	(5.10)	388.068.194	480.489.073
6. Chi phí phải trả	316		284.990.730	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.11)	471.813.456	1.266.824.816
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		525.001	3.575.001
II. Nợ dài hạn	330		1.453.467.944	1.023.689.132
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.12)	1.453.467.944	1.023.689.132
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.849.565.062	109.348.580.379
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.13.1)	110.849.565.062	109.348.580.379
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.13.2)	114.000.000.000	114.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		314.868.226	314.868.226
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		61.262.340	61.262.340
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.13.6)	(3.526.565.504)	(5.027.550.187)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		115.197.386.911	118.591.971.507

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ		216.414.456	216.414.456
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		67,92	67,92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI DUYỆT



CAO PHƯỚC THÁI HÒA

Phụ trách Kế toán

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		28.734.897.673	51.528.177.272
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	28.734.897.673	51.528.177.272
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	25.669.898.477	48.314.753.465
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.064.999.196	3.213.423.807
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		277.428.050	3.355.433.402
7. Chi phí tài chính	22		113.355.313	1.112.834.676
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		237.495.269	1.224.671.581
8. Chi phí bán hàng	24	(6.3)	549.383.058	464.804.046
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.4)	4.208.963.602	3.758.345.836
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.529.274.727)	1.232.872.651
11. Thu nhập khác	31	(6.5)	6.126.782.591	4.428.593.883
12. Chi phí khác	32	(6.6)	3.096.523.181	3.453.399.649
13. Lợi nhuận khác	40		3.030.259.410	975.194.234
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.500.984.683	2.208.066.885
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.500.984.683	2.208.066.885
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	(5.13.5)	132	194

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU


CAO PHƯỚC THÁI HÒA

Phụ trách Kế toán

NGƯỜI DUYỆT

**NGUYỄN ĐỨC THUẬN**

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.500.984.683	2.208.066.885
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.662.488.645	1.446.403.964
Các khoản dự phòng	03		(124.139.956)	(112.181.155)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		193.458.878	(3.813.838.245)
Chi phí lãi vay	06		237.495.269	1.224.671.581
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.470.287.519	953.123.030
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		643.226.472	13.532.658.268
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(388.956.373)	5.463.598.320
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(75.319.717)	(7.263.380.419)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.190.956.953	1.626.375.404
Tiền lãi vay đã trả	13		(237.495.269)	(1.224.671.581)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		429.778.812	439.476.583
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.050.000)	(183.708.156)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.029.428.397	13.343.471.449
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(47.150.000)	(7.757.590.001)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.909.091	2.371.075.748
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		200.000.000	1.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		130.928.050	2.720.602.667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		374.687.141	(865.911.586)

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

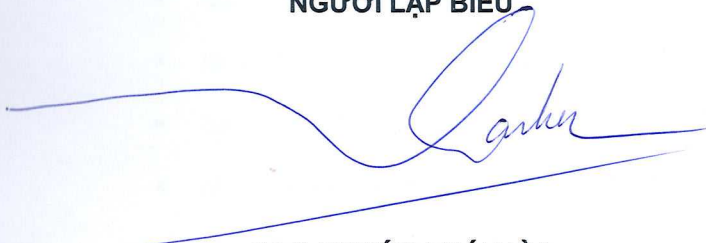
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			22.669.878.929
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.454.228.374)	(31.480.680.440)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(792.750.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.246.978.374)	(8.810.801.511)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2.157.137.164	3.666.758.352
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.186.290.217	519.531.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		6.343.427.381	4.186.290.217

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI DUYỆT



CAO PHƯỚC THÁI HÒA

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Phụ trách Kế toán

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 17 (31/12/2013: 18).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là :

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá; giấy, vật tư ngành in;
- San lấp mặt bằng;
- In ấn (trừ in, tráng bao bì kim loại);
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá; phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Môi giới thương mại; đại lý mua bán, kí gửi hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);

- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn nguyên liệu thuốc lá (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý du lịch;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán, chủ yếu là chi phí thuê văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
+ Máy móc, thiết bị	07 năm	8 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08 năm	05 - 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm	03 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 3 năm.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.9. Lương

Quý lương của cán bộ nhân viên và Giám đốc Công ty được trích căn cứ vào Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty ngày 28 tháng 04 năm 2014.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.12. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.13. Thuế

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

- *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Kinh doanh thuốc lá bao	10%
+ Dịch vụ cho thuê	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.16. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của máy sản xuất đầu lọc thuốc lá từ 12 năm xuống còn 7 năm như được trình bày ở mục 4.6 do Công ty đã sử dụng cho thuê hoạt động. Việc thay đổi này được xem là thay đổi ước tính kế toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót". Ban Giám đốc tin rằng áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác kết quả hoạt động của Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây tiếp tục được sử dụng, chi phí khấu hao năm nay sẽ giảm 1.563.902.499 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	101.866.332	97.188.217
Tiền gửi ngân hàng	2.054.427.994	2.589.102.000
Các khoản tương đương tiền	<u>4.187.133.055</u>	<u>1.500.000.000</u>
Tổng cộng	<u>6.343.427.381</u>	<u>4.186.290.217</u>

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	659.746.163	464.258.220
Trả trước cho người bán	36.260.000	404.035.716
Các khoản phải thu khác	<u>146.500.000</u>	<u>564.938.699</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	842.506.163	1.433.232.635
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	<u>842.506.163</u>	<u>1.433.232.635</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Khoản phải thu khác là khoản phải thu lợi nhuận từ việc đầu tư tài chính dài hạn khác vào Công ty TNHH Bao bì Hiệp Nguyên Vina.

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.718.000	3.718.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	362.874.791	242.181.818
Hàng hóa	<u>273.983.600</u>	<u>5.720.200</u>
Cộng giá gốc hàng tồn kho	640.576.391	251.620.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện	<u>640.576.391</u>	<u>251.620.018</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục				VND
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.260.097.994	1.179.243.380	1.075.083.194	13.514.424.568
Mua trong năm	-	-	47.150.000	47.150.000
Thanh lý trong năm	-	-	(936.326.675)	(936.326.675)
Số dư cuối năm	<u>11.260.097.994</u>	<u>1.179.243.380</u>	<u>185.906.519</u>	<u>12.625.247.893</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.753.366.000	819.324.249	455.463.258	5.028.153.507
Khấu hao trong năm	2.502.243.996	123.400.836	36.843.813	2.662.488.645
Thanh lý trong năm	-	-	(374.530.656)	(374.530.656)
Số dư cuối năm	<u>6.255.609.996</u>	<u>942.725.085</u>	<u>117.776.415</u>	<u>7.316.111.496</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	7.506.731.994	359.919.131	619.619.936	8.486.271.061
Tại ngày cuối năm	<u>5.004.487.998</u>	<u>236.518.295</u>	<u>68.130.104</u>	<u>5.309.136.397</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 279.949.776 đồng.

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông theo Hợp đồng mua bán Căn hộ "Dự án Tây Nguyên Plaza" số 106/HĐMB-TNP ngày 31 tháng 10 năm 2013.

5.6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào Công ty TNHH Bao bì Hiệp Nguyên Vina	2.000.000.000	-
Góp vốn thành lập Quý thành viên Vietcombank 3	-	2.200.000.000
Đầu tư chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhất Việt	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.200.000.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(31.871.214)	(156.011.170)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	<u>4.968.128.786</u>	<u>5.043.988.830</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê Cao ốc Số 83A Đường Lý Thường Kiệt	88.823.588.233	90.921.773.947
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	68.618.598	98.466.924
Chi phí khác chờ phân bổ	<u>259.478.457</u>	<u>288.946.487</u>
Tổng cộng	<u>89.151.685.288</u>	<u>91.309.187.358</u>

5.8. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	-	2.634.228.374
Vay cá nhân	<u>1.500.000.000</u>	<u>3.320.000.000</u>
Tổng cộng	<u>1.500.000.000</u>	<u>5.954.228.374</u>

Vay cá nhân là các khoản vay tín chấp có thời hạn 3 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và chịu lãi suất 9%/năm.

5.9. Phải trả người bán.

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.10. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương nhưng thực tế chưa chi.

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả cổ tức	405.025.000	1.197.775.000
Phải trả khác	<u>66.788.456</u>	<u>69.049.816</u>
Tổng cộng	<u>471.813.456</u>	<u>1.266.824.816</u>

5.12. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận đặc cộc chi phí thuê văn phòng và chi phí dịch vụ quản lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

5.13. Vốn chủ sở hữu**5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	114.000.000.000	314.868.226	61.262.340	(7.235.617.072)	107.140.513.494
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.208.066.885	2.208.066.885
Số dư đầu năm nay	114.000.000.000	314.868.226	61.262.340	(5.027.550.187)	109.348.580.379
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.500.984.683	1.500.984.683
Số dư cuối năm nay	114.000.000.000	314.868.226	61.262.340	(3.526.565.504)	110.849.565.062

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 115 tỷ đồng. Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 114 tỷ đồng, như vậy các cổ đông đã góp được 99,13% vốn điều lệ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam	15.050.000.000	13%	15.050.000.000	13%
Các cổ đông khác	98.950.000.000	87%	98.950.000.000	87%
Tổng cộng	114.000.000.000	100%	114.000.000.000	100%

5.13.3. Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm	792.750.000	800.000.000

5.13.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	11.400.000	11.400.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	11.400.000	11.400.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

5.13.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	1.500.984.683	2.208.066.885
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	<u>11.400.000</u>	<u>11.400.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	<u>132</u>	<u>194</u>

5.13.6. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(5.027.550.187)	(7.235.617.072)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	<u>1.500.984.683</u>	<u>2.208.066.885</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>(3.526.565.504)</u>	<u>(5.027.550.187)</u>

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	21.172.001.107	41.762.729.381
Doanh thu dịch vụ cho thuê, chuyển nhượng quyền thuê văn phòng	5.517.236.012	3.883.980.292
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	1.311.115.100	5.661.326.408
Doanh thu dịch vụ tư vấn	730.000.000	200.000.000
Doanh thu khác	4.545.454	20.141.191
Tổng cộng	<u>28.734.897.673</u>	<u>51.528.177.272</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	20.205.127.540	41.289.630.614
Giá vốn dịch vụ cho thuê, chuyển nhượng quyền thuê văn phòng	4.410.853.079	2.418.609.726
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	584.097.611	4.435.263.125
Giá vốn dịch vụ tư vấn	469.820.247	171.250.000
Tổng cộng	<u>25.669.898.477</u>	<u>48.314.753.465</u>

6.3. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	538.233.054	250.254.816
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	4.320.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	185.906.665
Chi phí bằng tiền khác	11.150.004	24.322.565
Tổng cộng	<u>549.383.058</u>	<u>464.804.046</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.315.868.669	2.001.400.387
Chi phí vật liệu quản lý	99.817.159	87.226.906
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.934.632	54.777.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.285.856	30.773.992
Thuế, phí và lệ phí	8.651.332	6.947.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	995.213.062	1.002.099.210
Chi phí bằng tiền khác	<u>687.192.892</u>	<u>575.120.734</u>
Tổng cộng	<u>4.208.963.602</u>	<u>3.758.345.836</u>

6.5. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	90.909.091	2.371.075.748
Thu nhập cho thuê tài sản cố định	5.400.000.000	1.800.000.000
Thu nhập khác	<u>635.873.500</u>	<u>257.518.135</u>
Tổng cộng	<u>6.126.782.591</u>	<u>4.428.593.883</u>

6.6. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	-	102.696.713
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	561.796.019	1.842.778.869
Chi phí nhà máy đầu lọc	2.534.727.162	1.089.288.102
Chi phí khác	<u>-</u>	<u>418.635.965</u>
Tổng cộng	<u>3.096.523.181</u>	<u>3.453.399.649</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.929.081.051	37.922.803.960
Chi phí nhân công	2.987.190.151	2.944.360.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	136.836.483	1.446.403.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.677.915.253	9.688.079.052
Chi phí bằng tiền khác	<u>4.086.178.572</u>	<u>5.102.489.802</u>
Tổng cộng	<u>30.817.201.510</u>	<u>57.104.137.672</u>

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Các bên liên quan

Mối quan hệ

- Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
- Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Nhân sự quản lý chủ chốt

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập của Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	231.000.000	204.000.000
Thu nhập Giám đốc	<u>383.487.942</u>	<u>378.823.975</u>
Tổng cộng	<u>614.487.942</u>	<u>582.823.975</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	VND	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.343.427.381	4.186.290.217
Phải thu khách hàng và phải thu khác	806.246.163	464.258.220
Đầu tư dài hạn khác	4.968.128.786	5.043.988.830
Tài sản tài chính khác	<u>15.000.000</u>	<u>15.000.000</u>
Tổng cộng	<u>12.132.802.330</u>	<u>9.709.537.267</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

	31/12/2014	01/01/2014
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.500.000.000	5.954.228.374
Phải trả người bán	152.957.530	293.690.694
Chi phí phải trả	248.337.816	-
Công nợ tài chính khác	<u>1.453.467.944</u>	<u>1.023.689.132</u>
Tổng cộng	<u>3.354.763.290</u>	<u>7.271.608.200</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<u>Công nợ</u>		<u>Tài sản</u>	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	-	-	67,92	67,92

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Phải trả người bán	152.957.530	-	152.957.530
Chi phí phải trả	248.337.816	-	248.337.816
Công nợ tài chính khác	-	1.453.467.944	1.453.467.944

			VND
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	5.954.228.374	-	5.954.228.374
Phải trả người bán	293.690.694	-	293.690.694
Công nợ tài chính khác	-	1.023.689.132	1.023.689.132

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
31/12/2014			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	806.246.163	-	806.246.163
Đầu tư dài hạn khác	-	4.968.128.786	4.968.128.786
Tài sản tài chính khác	-	15.000.000	15.000.000
01/01/2014			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	464.258.220	-	464.258.220
Đầu tư dài hạn khác	-	5.043.988.830	5.043.988.830
Tài sản tài chính khác	-	15.000.000	15.000.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 02 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU


CAO PHƯỚC THÁI HÒA

Phụ trách kế toán

NGƯỜI DUYỆT

**NGUYỄN ĐỨC THUẬN**

Giám đốc